

UBND TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /QĐ-CDYT

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ vào Biên bản số 09 /BB-CDYT ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng năm 2025, lớp CD D5A3 được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo - Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 22 sinh viên ngành dược, trình độ cao đẳng, lớp CD D5A3 kể từ ngày ký quyết định (có danh sách sinh viên và xếp loại tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, khoa và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Nguyễn Thị Dung*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, P. QLĐT - NCKH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Dung
Nguyễn Thị Dung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 16 /QĐ-CDYT ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

Ngành đào tạo: Dược

Lớp: CD D5A3

Sтт	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN
1	Phan Thanh Bình	26/6/1988	Nam	TP Từ Sơn, Bắc Ninh	79	8.2	3.51	0	Không	Xuất sắc
2	Phạm Thị Thanh Cơ	26/02/1992	Nữ	Huyện Phù Ninh, Phú Thọ	79	8.1	3.41	0	Không	Giỏi
3	Nguyễn Quang Đức	28/9/2000	Nam	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	79	7.7	3.14	0	Không	Giỏi
4	Nguyễn Thị Lự	01/12/1987	Nữ	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	79	8.2	3.54	0	Không	Xuất sắc
5	Hoàng Thu Nga	29/6/1997	Nữ	Bắc Ninh	79	8.0	3.37	0	Không	Giỏi
6	Vũ Thị Bích Ngọc	20/8/1989	Nữ	Bắc Giang	79	8.2	3.46	0	Không	Giỏi
7	Nguyễn Văn Phúc	05/7/1986	Nam	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	79	7.8	3.18	0	Không	Giỏi
8	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	20/11/1990	Nữ	Bắc Giang	79	8.0	3.39	0	Không	Giỏi
9	Nguyễn Thị Sao	20/8/1988	Nữ	Huyện Gia Bình, Bắc Ninh	79	8.3	3.63	0	Không	Xuất sắc
10	Lê Thị Sinh	22/9/1991	Nữ	TP Từ Sơn, Bắc Ninh	79	8.1	3.47	0	Không	Giỏi
11	Đinh Sỹ Sơn	25/9/1994	Nam	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	79	7.9	3.3	0	Không	Giỏi
12	Nguyễn Thị Tình	02/6/1993	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	79	8.4	3.62	0	Không	Xuất sắc



Sтт	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN
13	Nguyễn Mạnh Toàn	20/12/1987	Nam	Bắc Ninh	79	7.7	3.11	0	Không	Giỏi
14	Nguyễn Thị Trang	02/10/1990	Nữ	TP Từ Sơn, Bắc Ninh	79	8.3	3.57	0	Không	Xuất sắc
15	Lê Thị Xuân	02/02/1990	Nữ	Huyện Nam Sách, Hải Dương	79	8.0	3.41	0	Không	Giỏi
16	Vũ Thị Yến	03/6/1995	Nữ	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	79	7.9	3.27	0	Không	Giỏi
17	Nguyễn Thị Đường	05/01/1990	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	80	8.2	3.55	0	Không	Xuất sắc
18	Vũ Thị Thu Hằng	04/9/1996	Nữ	Bắc Ninh	80	8.2	3.51	0	Không	Xuất sắc
19	Nguyễn Thị Trang Huyền	17/9/1998	Nữ	Bắc Ninh	80	7.8	3.19	0	Không	Giỏi
20	Lý Như Quỳnh	30/12/1993	Nữ	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	80	7.9	3.3	0	Không	Giỏi
21	Đặng Thị San	16/7/1989	Nữ	TP Từ Sơn, Bắc Ninh	80	8.1	3.33	0	Không	Giỏi
22	Lương Thị Thủy	06/11/1993	Nữ	Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	80	8.1	3.44	0	Không	Giỏi

